TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH PHƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 19/2018/DS-PT
Ngày: 06/3/2018
V/v: "Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Viết Hùng
Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Nhân
Ông Bùi Văn Bình

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Dương Quốc Thành - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước*****:** Ông Nguyễn Thanh Mến - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 06 tháng 3 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Bình Phước mở phiên toà xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 135/2017/TLPT-DS ngày 27/11/2017 về việc "Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản"

Do bản án dân sự sơ thẩm số 22/2017/DS-ST ngày 09/10/2017 của Toà án nhân dân huyện B bị kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2018/QĐ-PT ngày 25/01/2018 giữa:

- *Nguyên đơn:* **Ông Phạm Văn K**, sinh năm 1943 (Có mặt)
Địa chỉ: Thôn M, xã B, huyện B, tỉnh Bình Phước
- *Bị đơn:* **Chị Thị N**, sinh năm 1987 (Có mặt)
Bà Thị C, sinh năm 1963 (Có đơn xin xét xử vắng mặt)
Địa chỉ: Thôn N, xã B, huyện B, tỉnh Bình Phước.
- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:
+ **Anh Nguyễn Văn H**, sinh năm 1985 (Có mặt)
Cùng địa chỉ: Thôn N, xã B, huyện B, tỉnh Bình Phước
+ **Bà Vũ Thị H1**, sinh năm 1964 (Có đơn xin xét xử vắng mặt)
Địa chỉ: Thôn M, xã B, huyện B, tỉnh Bình Phước.

Người kháng nghị: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG CỦA VỤ ÁN:

** Nguyên đơn ông Phạm Văn K trình bày:*

Ngày 30/7/2014 ông K cho chị Thị N và bà Thị C vay số tiền là 24.000.000 đồng, hai bên thỏa thuận thời hạn trả tiền là vào ngày 30/4/2017, lãi suất 4%/tháng. Tuy nhiên đến hạn chị N, bà C chưa trả được tiền gốc và tiền lãi suất. Nay ông K yêu cầu chị N và bà C trả số tiền nợ gốc là 24.000.000 đồng và lãi suất mức 4%/tháng tính từ thời điểm cho chị N và bà C vay ngày 30/7/2014 đến khi giải quyết xong vụ án.

** Bị đơn chị N trình bày:*

Chị N không thống nhất phần trình bày của nguyên đơn ông K. Chị cho rằng khoảng năm 2013, chị cùng chồng là anh Nguyễn Văn H có vay của bà Vũ Thị H1 số tiền là 40.000.000 đồng, bà H1 tính cả tiền lãi suất thành tổng số tiền 63.000.000 đồng. Khoảng năm 2014 bà H1 và ông K yêu cầu viết giấy vay tiền để tách số tiền nợ gốc 40.000.000 đồng đã vay bà H1 năm 2013 cho ông K 01 giấy vay số tiền nợ gốc 24.000.000 đồng và bà H1 01 giấy vay gốc 20.000.000 đồng. Sau đó bà H1 đã khởi kiện yêu cầu chị và anh H trả số tiền theo giấy viết tay năm 2013 là 63.000.000 đồng. Chị và anh H đã thỏa thuận trả hết số nợ cả gốc và lãi suất 63.000.000 đồng cho bà H1 theo Quyết định công nhận thỏa thuận của các đương sự số 32 ngày 30/10/2015 của Tòa án nhân dân huyện B. Nay ông K lại tiếp tục yêu cầu trả số tiền 24.000.000 đồng theo giấy tách nợ gốc ban đầu chị không đồng ý vì chị đã trả hết cho bà H1.

**Bi đơn bà C trình bày:*

Bà C không đồng ý phần trình bày của ông K. Bà thống nhất như phần trình bày của chị N, bà cho rằng số tiền nợ 24.000.000 đồng là nợ chung của ông H và bà N, không liên quan gì đến bà C. Số tiền nợ trên anh H và chị N đã trả đủ cho bà H1 năm 2015 nên bà C không đồng ý yêu cầu trả tiền của ông K.

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn H trình bày:*

Anh không đồng ý phần trình bày của ông K. Anh cho rằng đây là số nợ chung của anh và chị N đã vay của bà H1 năm 2013, năm 2014 ông K và bà H1 yêu cầu tách số tiền nợ gốc theo giấy vay tiền năm 2013 là 63.000.000 đồng thành 02 giấy vay tiền là giấy vay 24.000.000 đồng cho ông K và 20.000.000 đồng cho bà H1. Năm 2015 bà H1 khởi kiện theo giấy vay tiền ban đầu là 63.000.000 đồng và anh, chị N đã trả đủ, nay ông K khởi kiện yêu cầu trả số tiền gốc 24.000.000 đồng và lãi suất anh không đồng ý.

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Vũ Thị H1 trình bày:*

Bà cho anh Nguyễn Văn H và chị Thị N vay số tiền là 63.000.000 đồng vào ngày 16/12/2013, đây là tiền riêng của bà cho anh H, chị N vay không có liên quan gì đến ông K. Năm 2015, bà khởi kiện lên Tòa án nhân dân huyện B và được Tòa án giải quyết công nhận thỏa thuận của đương sự, trong đó vợ chồng chị N, anh H đồng ý trả cho bà nợ gốc 63.000.000 đồng và tiền lãi suất. Vào năm 2013 (Không nhớ rõ thời gian) bà và ông K cho bà C vay số tiền 20.000.000 đồng, lãi suất 4%/tháng, đây là tiền chung của bà và ông K nhưng bà và ông K đã tự thỏa thuận để ông K thu nợ, bà không có ý kiến hay yêu cầu gì đối với số tiền này và cũng không có ý kiến gì đối với yêu cầu của ông K về việc buộc chị N và bà C trả tiền nợ gốc và lãi suất. Ngoài ra bà H1 không có ý kiến gì.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 22/2017/DS-ST ngày 09/10/2017 của Toà án nhân dân huyện B tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Văn K.

Buộc chị N, anh H phải chịu trách nhiệm liên đới trả cho ông Phạm Văn K số tiền nợ gốc là: 24.000.000 (Hai mươi bốn triệu) đồng và số tiền lãi suất là: 15.333.000 (Mười lăm triệu ba trăm ba mươi ba nghìn) đồng. Tổng số tiền chị N phải trả cho ông K là: 39.333.000 (Ba mươi chín triệu ba trăm ba mươi ba nghìn) đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

Ngày 09/11/2017, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước ban hành Quyết định kháng nghị số 24/QĐ/KNPT-VKS với nội dung: Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước xét xử phúc thẩm theo hướng: Sửa Bản án sơ thẩm số 22/2017/DS-ST ngày 09/10/2017 của Toà án nhân dân huyện B theo hướng áp dụng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2005; không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về tiền lãi suất theo quy định và buộc nguyên đơn phải chịu lãi suất đối với số tiền lãi suất không được chấp nhận.

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn ông Phạm Văn K và bị đơn chị Thị N, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn H không có ý kiến gì về kháng nghị của Viện kiểm sát. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước vẫn giữ nguyên Quyết định kháng nghị số 24/QĐ/KNPT-VKS ngày 09/11/2017.

Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào khoản 2 Điều 308, 309 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước, sửa bản án sơ thẩm số 22/2017/DS-ST ngày 09/10/2017 của Toà án nhân dân huyện B về áp dụng pháp luật và lãi suất. Đồng thời buộc anh Nguyễn Văn H phải liên đới với chị N trả nợ cho ông K theo quy định của pháp luật.

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu, chứng cứ, ý kiến của các đương sự, Kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước thấy rằng: Nguyên đơn ông K trình bày cho chị N mượn tiền ngày 30/7/2014 thời hạn trả tiền là vào ngày 30/4/2015 lãi suất là 4%, bị đơn chị N và anh H không thừa nhận khoản nợ và lãi suất như ông K trình bày mà cho rằng số tiền nêu trên anh chị đã thỏa thuận trả hết số nợ cả gốc và lãi suất 63.000.000 đồng cho bà H1 theo Quyết định công nhận thỏa thuận của các đương sự số 32 ngày 30/10/2015 của Tòa án nhân dân huyện B. Trong quá trình giải quyết vụ án ông K khẳng định giấy mượn nợ của chị N ngày 30/7/2014 không liên quan đến số nợ trước kia của chị N và anh

H nợ ông, điều này phù hợp với lời trình bày của chị N tại phiên tòa xác định giấy mượn nợ ngày 30/7/2014 đúng là chữ ký của chị và nội dung trong giấy vay mượn nợ không ghi ngày trả nợ cũng như lãi suất. Tòa án cấp sơ thẩm nhận định là hợp đồng vay có kỳ hạn và có lãi suất là không đúng với tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án. Căn cứ vào giấy mượn nợ của chị N ngày 30/7/2014 (BL 05) thì đây là hợp đồng vay tài sản không kỳ hạn và không có lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 477 Bộ luật dân sự năm 2005.

Về phần lãi suất: Như đã phân tích nêu trên việc mượn nợ của chị N ngày 30/7/2014, các bên không ghi lãi suất là bao nhiêu. Ông K cho rằng lãi suất các bên thỏa thuận là 4%/tháng nhưng phía bị đơn không đồng ý. Tòa án cấp sơ thẩm chỉ dựa vào lời trình bày của ông K chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện về phần lãi suất là không khách quan làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của bị đơn. Nên kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước là có căn cứ được chấp nhận, cần sửa bản án sơ thẩm về phần này như sau: Do ông K không chứng minh được thời gian ông đòi nợ nên chị N chỉ phải chịu lãi suất đối với thời gian chậm trả được tính từ ngày 22/6/2017 tức là ngày Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý vụ án đến khi xét xử sơ thẩm ngày 09/10/2017 là 3 tháng 17 ngày, mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 305 Bộ luật dân sự năm 2005 như sau: Lãi suất là 9%/năm tương ứng với 0,75%/tháng nên bà N phải chịu lãi suất là 24.000.000đ x 0,75% x 3 tháng 17 ngày = 642.000 đồng.

Ngoài ra, trong quá trình giải quyết vụ án anh H và chị N đang là vợ chồng. Việc chị N vay tiền là để phục vụ nhu cầu sinh hoạt trong gia đình. Tòa án cấp sơ thẩm chỉ tuyên buộc một mình chị N phải chịu trách nhiệm trả nợ cho ông K là không đúng quy định tại Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Do vậy, cần sửa án sơ thẩm về phần này cho phù hợp.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa có căn cứ nên được chấp nhận.

Án phí dân sự sơ thẩm: Do sửa án sơ thẩm, nên án phí dân sự sơ thẩm được tính lại như sau: Bị đơn chị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền gốc và tiền lãi phải trả cho nguyên đơn là 24.642.000đ x 5% = 1.232.000 đồng; Nguyên đơn ông Phạm Văn K phải chịu án phí dân sự đối với số tiền lãi suất không được chấp nhận là (36.768.000đ - 642.000đ) x 5% = 1.806.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH12 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về án phí, lệ phí Toà án;

Chấp nhận kháng nghị số 24/QĐ/KNPT-VKS ngày 09/11/2017 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước.

Sửa Bản án sơ thẩm số 22/2017/DS-ST ngày 09/10/2017 của Toà án nhân dân huyện B. Tuyên xử:

Áp dụng các Điều 290, 305, 471, 473, 474, 477 Bộ luật dân sự 2005; Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Văn K.

Buộc chị Thị N, anh Nguyễn Văn H liên đới trả cho ông Phạm Văn K số tiền nợ gốc là: 24.000.000 (Hai mươi bốn triệu) đồng và số tiền lãi suất là: 642.000 (Sáu trăm bốn mươi hai nghìn) đồng. Tổng số tiền chị N, anh H phải trả cho ông K là: 24.642.000 (Hai mươi bốn triệu sáu trăm bốn mươi hai nghìn) đồng.

Án phí dân sự sơ thẩm: Chị N và anh H phải liên đới chịu số tiền là 1.232.000 đồng.

Ông Phạm Văn K phải chịu số tiền án phí là 1.806.000 đồng, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 1.115.000 đồng đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bình Phước theo biên lai thu tiền số 0018887 ngày 22/6/2017. Số tiền còn lại ông K tiếp tục nộp.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bình Phước;
- TAND huyện B;
- THADS huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã Ký

Nguyễn Viết Hùng